

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/HNGĐ – ST

Ngày: 06-7-2018

"V/v tranh chấp: Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Quang Liêu;

2/ Ông Nguyễn Mạnh Dũng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Lương Xuân Duyên – Kiểm sát viên

Trong ngày 06 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 45/2018/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2018, về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐST – HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị H, sinh năm: 1983

Nơi cư trú: Thôn S, xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Anh Lê Đình C, sinh năm: 1979

Nơi cư trú: Thôn S, xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V

Địa chỉ: số 2, L, quận B, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Kh – Chủ tịch HĐQTV Agribank

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc T

Trú tại: Khu Đ, Tt Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

2/ Ngân hàng chính sách xã hội V

Địa chỉ: CC5, Bán đảo L, quận H, Tp. Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Thanh D
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hạp Tiến Kh
Nơi cư trú: Khu Đ, Tt Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 01 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Võ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Đình C tự nguyện tìm hiểu, tiến hành đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Th, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 20, ký ngày 28 tháng 02 năm 2004. Sau thời gian chung sống anh Lê Đình C thường xuyên đánh bài, cá độ, không chăm lo làm ăn phát triển kinh tế, quan tâm vợ con, thường xuyên vay mượn làm kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau thậm chí còn xô xát nhau. Đến khoảng tháng 5 năm 2017 chị và anh Lê Đình C sống ly thân cho đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, việc tiếp tục chung sống không mang lại hạnh phúc, vợ chồng đã tự thỏa thuận phân chia tài sản không còn sự gắn kết, ràng buộc với nhau nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Đình C.

Về nuôi con chung: Chị và anh Lê Đình C có 02 con chung tên là Lê Ngọc Đài Tr sinh ngày 30-8-2010 và Lê Thị L sinh ngày 16-3-2005.

Sau khi giải quyết ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu và yêu cầu anh Lê Đình C phụ cấp nuôi hai con là 1.000.000đ/tháng/1 cháu.

Tại phiên tòa, chị xin rút yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con do chị và anh Lê Đình C đã tự thỏa thuận.

Về chia tài sản chung: Chị và anh Lê Đình C có tài sản chung gồm:

1/ Diện tích đất 17856,2m² thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 16 tại thôn S, xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước (đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00637, do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước cấp, ký ngày 09/6/2014).

2/ Diện tích đất ở chiều ngang 05 mét tại thôn S, xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước;

3/ các tài sản khác gồm: Tủ thờ, tủ lạnh, máy lọc nước, bồn nước, máy tưới cà, xe mô tô.

Chị yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi tài sản.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V – Chi nhánh huyện B, tỉnh Bình Phước số tiền 250.000.000đ; Nợ Ngân hàng chính sách xã hội V – Phòng giao dịch huyện B, tỉnh Bình Phước số tiền 20.000.000đ. Chị yêu cầu chia đôi nợ chung.

Ngày 20-3-2018 và tại phiên tòa chỉ xin rút yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V – Chi nhánh huyện B, tỉnh Bình Phước vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng trình bày:* Ngày 09-01-2018 Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V – Chi nhánh huyện B, tỉnh Bình Phước có cho anh Lê Đình C, chị Võ Thị H (theo giấy ủy quyền số 48, lập ngày 09-01-2018 tại Văn phòng công chứng M, huyện B, tỉnh Bình Phước) vay số tiền là 250.000.000đ. Thời hạn vay là 12 tháng. Việc vay tiền có lập hợp đồng số LAV 201000108/HD0TD ngày 09-01-2018. Lãi suất vay, hình thức vay, diện vay theo quy định tại hợp đồng tín dụng nói trên. Khi vay anh Lê Đình C chị Võ Thị H có thể chấp tài sản là quyền sử dụng đất số BM685013, đứng tên Võ Thị H đối với diện tích đất 17.856m² tọa lạc tại thôn S, xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước. Hiện nay chị Võ Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Đình C, Ngân hàng không có ý kiến gì đối với số tiền vay do chưa hết kỳ hạn trả nợ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội V – Phòng giao dịch huyện Bù, tỉnh Bình Phước vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng trình bày:* Ngân hàng xác nhận ngày 14-01-2018 anh Lê Đình C, chị Võ Thị H có vay vốn tại Ngân hàng với số tiền 20.000.000đ, thời hạn vay là 05 năm, lãi suất là 9%/ năm. Hình thức vay là tín chấp. Diện vay: Hộ gia đình vay để sản xuất kinh doanh. Đến thời điểm hiện tại anh Lê Đình C chị Võ Thị H chưa trả nợ gốc, chỉ mới trả tiền lãi đến ngày 14-3-2018. Hiện nay, chị Võ Thị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết về số tiền vay trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Võ Thị H.

Về nuôi con chung: Căn cứ vào Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao cháu Lê Ngọc Đài Tr sinh ngày 30-8-2010 và Lê Thị L sinh ngày 16-3-2005 cho chị Võ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về chia tài sản chung, về nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự buộc chị Võ Thị H nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Các tài liệu, chứng cứ: Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); Giấy khai sinh đứng tên Lê Ngọc Đài Tr (bản photo chứng thực); Giấy khai sinh đứng

tên Lê Thị L (bản photo chứng thức); Hợp đồng tín dụng số LAV 201800108/HĐTD (bản photo); Sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân (bản photo); Biên bản lấy lời khai ngày 23 tháng 3 năm 2018 của Lê Ngọc Đài Tr; Bản tự khai ngày 23 tháng 3 năm 2013 của Lê Thị L; Bản tự khai ngày 20 tháng 3 năm 2018 của người làm chứng; Biên bản về việc thu thập tài liệu, chứng cứ ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V – Chi nhánh huyện B, tỉnh Bình Phước; Công văn số 74/NHCS ngày 04 tháng 4 năm 2018 của Ngân hàng chính sách xã hội V – Phòng giao dịch huyện B, tỉnh Bình Phước.

Tình tiết nguyên đơn, bị đơn thống nhất:

Tình tiết nguyên đơn, bị đơn không thống nhất:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Đình C (là bị đơn), Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V và Ngân hàng chính sách xã hội V (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Đình C, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V và Ngân hàng chính sách xã hội V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị H và anh Lê Đình C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện C, tỉnh H vào ngày 28 tháng 02 năm 2004. Điều này phù hợp với giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (bút lục số 04). Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch”. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị H và anh Lê Đình C là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu giải quyết ly hôn: Theo lời khai của chị Võ Thị H thể hiện trong bản tự khai và tại phiên tòa thì trong thời gian chung sống anh Lê Đình C thường xuyên cờ bạc, rượu chè, không lo làm kinh tế, không chăm sóc vợ con. Chị Võ Thị H và anh Lê Đình C đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2017 cho đến nay. Lời khai của chị Võ Thị H phù hợp với lời khai của người làm chứng (bút lục số 24). Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi

bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”. Mặt khác, anh Lê Đình C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Như vậy, có đủ căn cứ xác định anh Lê Đình C vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị H.

[4] Về nuôi con chung: Chị Võ Thị H khai nhận vợ chồng có 02 con chung tên là Lê Ngọc Đài Tr sinh ngày 30-8-2010 và Lê Thị L sinh ngày 16-3-2005. Lời khai của chị Võ Thị H phù hợp với giấy khai sinh đứng tên Lê Ngọc Đài Tr và Lê Thị L đã được giao nộp hợp pháp. Khoản 1 Điều 88 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng”, “Con sinh ra trước ngày đăng ký kết hôn và được cha mẹ thừa nhận là con chung của vợ chồng” nên có đủ cơ sở xác định cháu Lê Ngọc Đài Tr và cháu Lê Thị L là con chung của chị Võ Thị H và anh Lê Đình C.

Đối với yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung: Cháu Lê Thị L là bé gái đang ở lứa tuổi dậy thì, còn cháu Lê Ngọc Đài Tr gần 18 tuổi là độ tuổi có nhiều thay đổi về tâm sinh lý cần sự chăm sóc, trông nom trực tiếp thường xuyên của cha hoặc mẹ. Xét nguyện vọng của cháu Lê Thị L và cháu Lê Ngọc Đài Tr đều có nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Mặt khác, theo nội dung của biên bản thỏa thuận ngày 12-3-2018 thì anh Lê Đình C và chị Võ Thị H thỏa thuận giao tài sản cho chị Võ Thị H sử dụng, quản lý và chị Võ Thị H nuôi dưỡng hai con. Như vậy, xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu Lê Ngọc Đài Tr và cháu Lê Thị L theo quy định vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình cần giao cháu Lê Ngọc Đài Tr và cháu Lê Thị L cho chị Võ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Lê Đình C có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị Võ Thị H xin rút yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Việc rút yêu cầu của chị Võ Thị H là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về chia tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Võ Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung và giải quyết về nợ chung. Ngày 02-3-2018 Tòa án giao Thông báo về việc nộp đơn khởi kiện bổ sung cho chị Võ Thị H. Tuy nhiên, chị Võ Thị H không thực hiện theo nội

dung Thông báo mà ngày 20-3-2018 và tại phiên tòa chị Võ Thị H xin rút yêu cầu khởi kiện về tài sản chung và nợ chung. Bị đơn anh Lê Đình C không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Đối với số tiền vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V – Chi nhánh huyện B, tỉnh Bình Phước: Ngân hàng xác nhận anh Lê Đình C và chị Võ Thị H có vay vốn tại Ngân hàng với số tiền 250.000.000đ và thế chấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay chưa đến hạn trả nợ theo hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án ly hôn này. Do Ngân hàng không có yêu cầu độc lập với số tiền cho vay nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với số tiền vay nói trên.

[7] Đối với số tiền vay của Ngân hàng chính sách xã hội V – phòng giao dịch huyện B, tỉnh Bình Phước: Ngân hàng xác nhận ngày 14-01-2018 anh Lê Đình C, chị Võ Thị H có vay vốn tại Ngân hàng với số tiền 20.000.000đ, thời hạn vay là 05 năm, lãi suất là 9%/ năm. Hình thức vay là tín chấp. Đến thời điểm hiện tại anh Lê Đình C chị Võ Thị H chưa trả nợ gốc, chỉ mới trả tiền lãi đến ngày 14-3-2018. Hiện nay, chị Võ Thị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết về số tiền vay trong vụ án này. Do Ngân hàng không có yêu cầu độc lập với số tiền cho vay nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với số tiền vay nói trên.

[8] Về án phí: Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định “Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”. Do đó, nguyên đơn chị Võ Thị H phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[9] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị H, chị Võ Thị H được ly hôn với anh Lê Đình C.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Thị L sinh ngày 16-3-2005 và cháu Lê Ngọc Đài Tr sinh ngày 30-8-2010 cho chị Võ Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Lê Đình C có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Đình C, chị Võ Thị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về chia tài sản chung: Anh Lê Đình C, chị Võ Thị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Nguyên đơn chị Võ Thị H phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0021782 ngày 06 tháng 02 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước (đã nộp xong).

7. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06-7-2018), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND h.Bù Đăng;
- Chi cục THADS h.Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh